

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
THÁI NGUYÊN
Số: 1591/TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO

**Kế hoạch thanh lý vật liệu thu hồi sau tháo dỡ công trình, tài sản;
thanh lý, huỷ thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ hư hỏng của
Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên (Mã ĐVSDNS: 1040148)**

Thực hiện Quyết định số 171/QĐ-BQL ngày 01/12/2020 của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên về việc thành lập hội đồng thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ hư hỏng không còn sử dụng của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên; Biên bản họp liên ngành ngày 17/12/2020 giữa Sở Tài chính Thái Nguyên, Sở Xây dựng Thái Nguyên và Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên về việc xác định giá trị thanh lý vật liệu thu hồi sau tháo dỡ, thanh lý thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ tại Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên; Kế hoạch số 1570/KH-BQL ngày 28/12/2020 của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên thanh lý vật liệu thu hồi sau tháo dỡ công trình, tài sản; thanh lý thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên; Quyết định số 225/QĐ-BQL ngày 30/12/2020 của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên về việc phê duyệt giá thanh lý vật liệu thu hồi sau tháo dỡ công trình, tài sản; thanh lý thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ hư hỏng của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên.

Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên thông báo công khai kế hoạch thanh lý tài sản tại đơn vị như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định phân cấp quản lý, sử

dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Biên bản họp liên ngành ngày 17/12/2020 giữa Sở Tài chính Thái Nguyên, Sở Xây dựng Thái Nguyên và Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên về việc xác định giá trị thanh lý vật liệu thu hồi sau tháo dỡ, thanh lý thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ tại Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên;

Kế hoạch số 1570/KH-BQL ngày 28/12/2020 của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên thanh lý vật liệu thu hồi sau tháo dỡ công trình, tài sản;

Quyết định số 225/QĐ-BQL ngày 30/12/2020 của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên về việc phê duyệt giá thanh lý vật liệu thu hồi sau tháo dỡ công trình, tài sản; thanh lý thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ hư hỏng của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên.

2. Nội dung

2.1. Thanh lý vật liệu thu hồi sau tháo dỡ công trình, thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ

Công khai thanh lý 20 danh mục các tài sản, thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ như sau:

- Nguyên giá tại thời điểm tháng 11/2020: 409.935.066 đồng
- Giá trị hao mòn lũy kế: 313.459.390 đồng
- Giá trị thanh lý tài sản: 12.495.045 đồng

Phương thức: Bán công khai sau niêm yết 30 ngày.

Số tiền thu được từ bán thanh lý tài sản: Toàn bộ số tiền thu được từ bán thanh lý tài sản, sau khi trừ đi các chi phí hợp lý theo quy định được nộp vào ngân sách nhà nước.

2.2. Huỷ công cụ dụng cụ hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được

Tổ chức huỷ 12 danh mục công cụ dụng cụ hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên thông báo công khai kế hoạch thanh lý tài sản để thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính (B/cáo);
- Lưu: VT, TCKT

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



[Handwritten signature]

Trần Quốc Trung

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN THÁI NGUYÊN

DANH SÁCH TÀI SẢN, CÔNG CỤ DỤNG CỤ HUỖ, THANH LÝ

(Phụ lục kèm theo Thông báo số 43/TB-BQL ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên)

ST T	Tên Tài sản, CCDC	Năm sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Nguyên giá	GT hao mòn	GTCL	Hiện trạng TT	Giá trị thanh lý TS (đồng)	Ghi chú
	Tài sản bán thanh lý thu hồi				469.345.732	375.870.056	93.475.676	-	12.495.045	-
I	Nhà cửa				237.039.000	144.887.074	92.151.926	-	11.685.045	
1	Hàng rào	2001	Kg	1200	128.424.000	68.527.046	59.896.954	Tháo dỡ do sửa chữa	5.760.000	
2	Cột cờ	2013	Kg	50	40.000.000	21.344.000	18.656.000	Gậy, hỏng	240.000	
3	Nhà để xe (mái tôn, ...)	2008	Kg	200,15	45.865.000	32.266.028	13.598.973	Tháo dỡ, hỏng do sửa chữa	1.501.125	
4	Bộ mô tơ, cửa cuốn, tường nhà để xe	2008	Kg	865,4	6.500.000	6.500.000	-	Tháo dỡ, hỏng do sửa chữa	4.153.920	
5	Cửa nhôm kính (phòng bảo vệ) - 01 cửa chính, 03 cửa sổ		kg	4	16.250.000	16.250.000		Vỡ hỏng thay thế	30.000	
II	Thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ				169.896.066	168.572.316	1.323.750	-	810.000	
1	Tivi vi Sony 42inch		cái	1	12.570.000	12.570.000		Hư hỏng không còn khả năng khác phục	20.000	hỏng
2	Tivi TCL 21inch (2001)		Cái	1		-	-	Hư hỏng không còn khả năng khác phục	20.000	hỏng
3	Tivi Samsung 14 inch (2001)		Cái	1		-	-	Hư hỏng không còn khả năng khác phục	20.000	hỏng
4	Màn hình máy tính Samsung		Cái	1	2.800.000	2.800.000	-	Hư hỏng không còn khả năng khác phục	20.000	hỏng
5	Điều hòa Naciona		Cái	1	14.128.000	14.128.000		Hư hỏng không còn khả năng khác phục	150.000	hỏng
6	Điều hòa Panasonic		Cái	3	29.142.642	29.142.642	-	Hư hỏng không còn khả năng khác phục	150.000	hỏng
7	Điều hòa Daikin		Cái	1	10.590.000	9.266.250	1.323.750	Hư hỏng không còn khả năng khác phục	150.000	hỏng



ST T	Tên Tài sản, CCDC	Năm sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Nguyên giá	GT hao mòn	GTCL	Hiện trạng TT	Giá trị thanh lý TS (đồng)	Ghi chú
8	Điều hòa Nagakawa		Cái	1				Hư hỏng không còn khả năng khác phục	150.000	hỏng
9	Quạt trần Vinawin		Cái	7				Hư hỏng không còn khả năng khác phục	30.000	hỏng
10	Máy phô tô		cái	1	47.040.000	47.040.000		Hư hỏng không còn khả năng khác phục	TT hiện trạng	hỏng
11	Máy tính		cái	2	14.207.712	14.207.712		Hư hỏng không còn khả năng khác phục	20.000	hỏng
12	máy in		cái	2	7.900.000	7.900.000		Hư hỏng không còn khả năng khác phục	20.000	hỏng
13	Máy tính (phòng Lao động)		cái	2	15.147.712	15.147.712		Hư hỏng không còn khả năng khác phục	20.000	hỏng
14	Quạt treo tường		cái	1				Hư hỏng không còn khả năng khác phục	20.000	hỏng
15	Màn hình máy tính (Phòng QLMT)		cái	2	16.370.000	16.370.000		Hư hỏng không còn khả năng khác phục	20.000	hỏng
III	Tài sản hỏng không khác phục được hủy				62.410.666	62.410.666	0			
1	Tủ nhôm kính (HTPL)		Cái	1				Hư hỏng không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng
2	Bàn làm việc (gỗ ép)		cái	9	12.650.000	12.650.000		Hư hỏng, một gậy không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng
3	ghế gỗ		cái	10	22.000.000	22000000		Hư hỏng, một gậy không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng
4	Bộ bàn ghế tiếp khách (2009)		Bộ	1	7.266.666	7.266.666		Hư hỏng, một gậy không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng
5	tủ gỗ ép 4 buồng		cái	1				Hư hỏng không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng
6	Giá để tài liệu		cái	1	4.654.000	4654000		Hư hỏng, một gậy không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng
7	Tủ gỗ ép 2 buồng		cái	1				Hư hỏng, một gậy không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng
8	Bàn làm việc (gỗ ép)		cái	2	1.980.000	1.980.000		Hư hỏng, một gậy không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng
9	Ghế làm việc (Lãnh đạo)		cái	1	7.700.000	7.700.000		Hư hỏng, một gậy không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng
10	Ghế làm việc (Lãnh đạo)		cái	1	4.400.000	4.400.000		Hư hỏng không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng

ST T	Tên Tài sản, CCDC	Năm sử dụng	ĐVT	Khối lượng	Nguyên giá	GT hao mòn	GTCL	Hiện trạng TT	Giá trị thanh lý TS (đồng)	Ghi chú
11	Bàn họp hội ý lãnh đạo		cái	1				Hư hỏng không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng
12	Kệ gỗ		cái	1	1.760.000	1.760.000		Hư hỏng không còn khả năng khác phục	Hủy	hỏng



